

*This bilingual form is provided as a convenience. Forms submitted to the court must be completed in English.
Biểu mẫu song ngữ này được cung cấp để mang lại sự thuận tiện. Các biểu mẫu đệ trình lên tòa án phải được hoàn thành bằng Tiếng Anh.*

(Revised 7/12)

**To be used on and after July 1, 2010.
Được sử dụng vào và sau ngày 1 tháng 7 năm 2010.**

**WRITTEN EXPLANATION OF GARNISHEE'S COMPUTATION OF EARNINGS WITHHELD
GIẢI THÍCH BẢNG VĂN BẢN VỀ CÁCH TÍNH TOÁN THU NHẬP BỊ KHẤU TRỪ CỦA BÊN TRÍCH NỢ**

(Chapter 61)
(Chương 61)

Judgment Creditor: Judgment Creditor
Chủ Nợ Theo Phán Quyết: Chủ Nợ Theo Phán Quyết

Judgment Debtor: Judgment Debtor
Bên Nợ Theo Phán Quyết: Bên Nợ Theo Phán Quyết

Garnishee: Garnishee
Bên Trích Nợ: Bên Trích Nợ
Garnishee=s address
Địa chỉ của Bên Trích Nợ
Garnishee=s county
Quận của Bên Trích Nợ
{Garnishee=s fax phone number (if known)}
{Số fax của Bên Trích Nợ (nếu biết)}
{Garnishee=s e-mail address (if known)}
{Địa chỉ email của Bên Trích Nợ (nếu biết)}

Court Case No: Case No.
Mã Số Vụ Án tại Tòa Án: Mã Số Vụ Án

1. If the judgment debtor (employee) terminated employment before the first day of the payroll period for which this form is made, complete the following section and sign and date the form at the bottom.
Nếu bên nợ theo phán quyết (nhân viên) chấm dứt hợp đồng lao động trước ngày đầu tiên của kỳ trả lương mà biểu mẫu này được lập, hãy hoàn thành phần sau và ký tên, ghi ngày vào biểu mẫu ở cuối.

The Judgment debtor (employee) terminated employment on _____
(date)

Bên nợ theo phán quyết (nhân viên) chấm dứt hợp đồng lao động vào _____
(ngày)

2. If the above paragraph does not apply you must complete the rest of this form.
Nếu đoạn văn trên không áp dụng, quý vị phải hoàn thành phần còn lại của biểu mẫu này.
3. Read carefully the attached Instructions to Garnishee.
Đọc kỹ Hướng Dẫn dành cho Bên Trích Nợ đính kèm.

*The translated text on this form was provided by the Kansas Office of Judicial Administration.
Bản dịch của biểu mẫu này được Văn Phòng Quản Lý Tư Pháp Kansas cung cấp.*

*This bilingual form is provided as a convenience. Forms submitted to the court must be completed in English.
Biểu mẫu song ngữ này được cung cấp để mang lại sự thuận tiện. Các biểu mẫu đệ trình lên tòa án phải được hoàn thành bằng Tiếng Anh.*

4. You must complete this form for each payroll period for the judgment debtor, that ends while the garnishment order remains in effect. Only one form needs to be completed for each payroll period for the judgment debtor.

Quý vị phải hoàn thành biểu mẫu này cho mỗi kỳ trả lương của bên nợ theo phán quyết, kỳ trả lương này kết thúc trong khi lệnh trích nợ vẫn có hiệu lực. Chỉ cần hoàn thành một biểu mẫu cho mỗi kỳ trả lương của bên nợ theo phán quyết.

5. This Written Explanation form covers the following pay period:

Biểu mẫu Giải Thích Bằng Văn Bản này áp dụng cho kỳ trả lương sau:

start date: / ngày bắt đầu: _____

end date: / ngày bắt đầu: _____

6. The normal pay period for employee is (designate one):

Kỳ trả lương thông thường cho nhân viên là (chỉ định một):

weekly _____ every two weeks _____ semi-monthly _____ monthly _____
hàng tuần _____ hai tuần một lần _____ nửa tháng một lần _____ hàng tháng _____.

7. Total gross earnings due for the pay period covered by this form are:

Tổng thu nhập gộp phải trả trong kỳ trả lương được nêu trong biểu mẫu này là:

..... \$ _____.

8. Amounts required by law to be withheld for the pay period or periods covered are:

Số tiền được pháp luật yêu cầu khấu trừ trong kỳ trả lương hoặc các kỳ trả lương được đề cập là:

(1) Federal FICA (includes social security tax and medicare tax) \$ _____.

*Thuế theo Đạo Luật về Các Khoản Đóng Góp Bảo Hiểm Liên Bang
(Federal Insurance Contributions Act, FICA) (bao gồm thuế an sinh xã hội
và thuế Medicare)*

(2) Federal income tax \$ _____.

Thuế thu nhập liên bang

(3) State income tax \$ _____.

Thuế thu nhập tiểu bang

(4) Railroad Retirement Tax \$ _____.

Thuế Hưu Trí Ngành Đường Sắt

TOTAL DEDUCTIONS \$ _____.

TỔNG CÁC KHOẢN KHẤU TRỪ

(Deduct only those items listed above)

(Chỉ khấu trừ những mục được liệt kê ở trên)

9. Disposable earnings for the pay period covered are: \$ _____

Thu nhập khả dụng cho kỳ trả lương được nêu là:

(7 minus 8)

(7 trừ 8)

See the attached Instructions to Garnishee to determine amount of disposable earnings to be withheld.

Xem Hướng Dẫn dành cho Bên Trích Nợ đính kèm để xác định số tiền thu nhập khả dụng sẽ bị khấu trừ.

The translated text on this form was provided by the Kansas Office of Judicial Administration.

Bản dịch của biểu mẫu này được Văn Phòng Quản Lý Tư Pháp Kansas cung cấp.

*This bilingual form is provided as a convenience. Forms submitted to the court must be completed in English.
Biểu mẫu song ngữ này được cung cấp để mang lại sự thuận tiện. Các biểu mẫu đệ trình lên tòa án phải được hoàn thành bằng Tiếng Anh.*

10. I am subtracting from the disposable earnings in 9 pursuant to an income withholding order for support the amount of \$ _____.
Tôi đang trừ vào thu nhập khả dụng ở mục 9 theo lệnh khấu trừ thu nhập để cấp dưỡng với số tiền là \$ _____.

11. I am subtracting from the disposable earnings in 9 pursuant to a lien which has priority over garnishments under the law the following amount: type of lien _____
Tôi đang trừ từ thu nhập khả dụng ở mục 9 theo quyền giữ lại, có ưu tiên hơn lệnh trích nợ, theo luật với số tiền sau: loại quyền giữ lại _____ \$ _____.

12. In accordance with the instructions accompanying this form, I have determined that the amount which may be paid to employee is \$ _____.
Theo hướng dẫn kèm theo biểu mẫu này, tôi đã xác định rằng số tiền có thể trả cho nhân viên là \$ _____.

13. I am holding from the amount in 12 an administrative fee in the amount of \$ _____.
Tôi đang giữ lại từ số tiền ở mục 12 một khoản phí hành chính là \$ _____.

See attached Instructions to Garnishee for amount of the administrative fee that can be retained.
Xem Hướng Dẫn dành cho Bên Trích Nợ kèm theo để biết số tiền phí hành chính có thể được giữ lại.

14. After paying to the employee the amount stated in 12 less the administrative fee in 13, and deducting any amount shown in 10 and 11, I am holding the remainder of the employee's disposable earnings in the amount of \$ _____.
Sau khi trả cho nhân viên số tiền được nêu ở mục 12 trừ đi phí hành chính ở mục 13, và khấu trừ bất kỳ số tiền nào được trình bày ở mục 10 và 11, tôi đang giữ lại phần thu nhập khả dụng còn lại của nhân viên với số tiền là \$ _____.

15. I will pay the amount held in 14 to the following judgment creditors:
Tôi sẽ trả số tiền được giữ ở mục 14 cho các chủ nợ theo phán quyết sau:

Case No. Mã Số Vụ Án	Name Tên	Address Địa Chỉ	Amount Số Tiền
A. _____	_____	_____ _____ _____	\$ _____
B. _____	_____	_____ _____ _____	\$ _____
C. _____	_____	_____ _____ _____	\$ _____
D. _____	_____	_____ _____ _____	\$ _____

*The translated text on this form was provided by the Kansas Office of Judicial Administration.
Bản dịch của biểu mẫu này được Văn Phòng Quản Lý Tư Pháp Kansas cung cấp.*

This bilingual form is provided as a convenience. Forms submitted to the court must be completed in English.
Biểu mẫu song ngữ này được cung cấp để mang lại sự thuận tiện. Các biểu mẫu đệ trình lên tòa án phải được hoàn thành bằng Tiếng Anh.

I will continue to withhold earnings as long as the garnishment order remains in effect. As the earnings are withheld, I will promptly pay thereafter the earnings as they are withheld to the judgment creditors entitled thereto, unless I receive prior to such payment an order of the court to the contrary.

Tôi sẽ tiếp tục khấu trừ thu nhập miễn là lệnh trích nợ vẫn có hiệu lực. Khi thu nhập bị khấu trừ, tôi sẽ nhanh chóng chuyển khoản thu nhập đó khi chúng bị khấu trừ cho các chủ nợ theo phán quyết được quyền hưởng khoản tiền đó, trừ khi tôi nhận được lệnh của tòa án có nội dung khác trước thời điểm thanh toán.

Judgment Debtor Name & Address:

Tên & Địa Chỉ của Bên Nợ Theo Phán Quyết:

If more space is needed, attach separate sheet.
Nếu cần thêm chỗ, hãy đính kèm một tờ riêng.

Pursuant to K.S.A. 53-601, as amended, I declare under the penalty of perjury that the foregoing is true and correct.

Theo Luật của Tiểu Bang Kansas (Kansas Statutes Annotated, K.S.A.) 53-601, như đã được sửa đổi, tôi tuyên bố, dưới hình phạt của tội khai man, rằng những điều trên đây là đúng sự thật và chính xác.

EXECUTED on / ĐƯỢC THỰC HIỆN vào _____, _____.

Garnishee
Bên Trích Nợ

RETAIN THE ORIGINAL OF THIS FORM WITH YOUR NORMAL PAYROLL RECORDS. YOU DO NOT NEED TO FURNISH A COPY OF THIS FORM TO ANY PARTY UNLESS REQUESTED TO DO SO. IF REQUESTED TO FURNISH A COPY OF THIS FORM, MAKE A COPY OF THE ORIGINAL AND SEND THE COPY, ALONG WITH THE AFFIDAVIT, IN RESPONSE TO THE REQUEST.

GIỮ LẠI BẢN GỐC CỦA BIỂU MẪU NÀY CÙNG VỚI HỒ SƠ LƯƠNG BÌNH THƯỜNG CỦA QUÝ VỊ. QUÝ VỊ KHÔNG CẦN CUNG CẤP BẢN SAO CỦA BIỂU MẪU NÀY CHO BẤT KỲ BÊN NÀO TRỪ KHI ĐƯỢC YÊU CẦU LÀM VẬY. NẾU ĐƯỢC YÊU CẦU CUNG CẤP BẢN SAO CỦA BIỂU MẪU NÀY, HÃY SAO CHÉP TỪ BẢN GỐC VÀ GỬI BẢN SAO ĐÓ KÈM THEO BẢN TUYÊN THỆ ĐỂ PHẢN HỒI YÊU CẦU.

The translated text on this form was provided by the Kansas Office of Judicial Administration.
Bản dịch của biểu mẫu này được Văn Phòng Quản Lý Tư Pháp Kansas cung cấp.